TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: **05**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019
"V/v *ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Quang Toại.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bùi Tấn Sinh và ông Võ Thanh Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Tương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ X, xóm Ch, thôn Ph, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Khu công nghiệp T, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: **Anh Phạm Minh D, sinh năm 1981;** yêu cầu xét xử vắng mặt theo đơn ghi ngày 06/5/2019;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ X, xóm Ch, thôn Ph, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi tạm trú: Số 411 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/01/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, Chị Hoàng Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và Anh Phạm Minh D tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2014. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng vào thành phố H làm ăn, sinh sống. Năm 2017, vợ chồng về tỉnh Q làm ăn, sinh sống, cũng trong khoảng thời gian này anh D có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã khuyên ngăn nhưng anh vẫn tiếp tục quan hệ ngoại tình. Từ tháng 7/2017 đến nay, chị và anh D sống ly thân. Nay chị D xác định chị và anh D không còn thương yêu, không hợp nhau, tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Hoàng Thị D xác định vợ chồng có 01 con chung là: Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/7/2015 đang ở với chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, chị D thay đổi số tiền yêu cầu cấp dưỡng nuôi, chị đồng ý sự tự nguyện của Anh Phạm Minh D cấp dưỡng nuôi con cho chị nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*).

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

Về công việc và thu nhập: Chị đang làm việc tại Công ty Giày Da RiKer tại Khu công nghiệp T, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4.500.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến đề nghị, lập luận của bị đơn Anh Phạm Minh D tại bản tự khai ghi ngày 06/5/2019 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh D thống nhất về thời gian kết hôn, thời gian chung sống như chị D trình bày trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh D cho rằng vợ chồng không hợp cách sống, tính tình khác biệt, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh D đồng ý yêu cầu ly hôn của chị D.

Về con chung: Anh Phạm Minh D công nhận vợ chồng có 01 con chung là: Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/7/2015 đang ở với chị D. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) như chị D yêu cầu tại đơn khởi kiện.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

Về thu nhập: Anh Phạm Minh D có công việc ổn định và thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Về công khai bản án: Anh Phạm Minh D đồng ý, không có yêu cầu giữ bí mật đời tư, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Hoàng Thị D.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Hoàng L cho Chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con do Hội đồng xét xử quyết định.

Về tài sản chung: Chị D và anh D không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Anh Phạm Minh D vắng mặt có lý do theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 06/5/2019 nên áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị D và Anh Phạm Minh D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ chồng chị D, anh D mâu thuẫn nhiều năm, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, chị D nghi kị sự chung thủy của anh D, vợ chồng không tin tưởng nhau, tình cảm không còn; quan hệ hôn nhân của chị D và anh D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài không khắc phục được. Chị D và anh D

không có sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên vi phạm về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị D và anh D đều có yêu cầu ly hôn là hoàn toàn phù hợp với tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, chấp nhận cho chị D và D được ly hôn để ổn định cuộc sống của anh, chị.

[2.2] *Về nuôi con khi ly hôn:* Chị Hoàng Thị D và Anh Phạm Minh D đều công nhận anh, chị có một con chung trong thời kỳ hôn nhân như nêu trên. Tại phiên tòa, chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Hoàng L. Tại bản tự khai ngày 06/5/2019, anh D đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với ý kiến của Cơ quan quản lý dân số xã B tại Biên bản làm việc ngày 18/4/2019 nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Phạm Hoàng L cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Tại phiên tòa, Chị Hoàng Thị D đồng ý sự tự nguyện của Anh Phạm Minh D cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) theo ý kiến của anh tại Bản tự khai ngày 06/5/2019. Xét thấy, mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) như ý kiến của các bên là phù hợp với thu thập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng theo khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.4] *Về tài sản chung:* Chị Hoàng Thị D và Anh Phạm Minh D tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5] *Về nghĩa vụ tài sản:* Chị D và anh D xác định, không có nợ chung và không ai nợ anh, chị nên không xem xét.

[3] *Về án phí:*

[3.1] Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[3.2] Anh Phạm Minh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn, về giao nuôi con chung chưa thành niên và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. **Căn cứ**:

Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. **Tuyên xử:**

2.1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Hoàng Thị D được ly hôn với Anh Phạm Minh D.

2.2. ***Về con chung:*** Chị Hoàng Thị D và Anh Phạm Minh D xác định có 01 con chung là: Cháu Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/7/2015 đang ở với chị D.

2.2.1. ***Về giao nuôi con chung***: Giao cho Chị Hoàng Thị D được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hoàng L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.2.2. ***Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn****:* Anh Phạm Minh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Chị Hoàng Thị D nuôi con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/7/2015, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là: 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

2.3. ***Về tài sản chung:*** Chị D và anh D tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

2.4. ***Về nghĩa vụ tài sản:*** Chị D và anh D xác định, không có nợ chung và không ai nợ anh, chị nên không xét.

2.5. ***Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:***

2.5.1. Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền

tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002549 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.5.2. Anh Phạm Minh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch là: 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

2.6. *Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2.7. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.*

2.8. Chị Hoàng Thị D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2019). Anh Phạm Minh D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trung;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại